

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến:

Nghề dạy học là một nghề cao quý. Giáo viên là những kỹ sư xây đắp tâm hồn và mục tiêu quan trọng là tạo ra những học sinh hoàn thành tốt nội dung học tập, rèn luyện, những mầm non tương lai cho đất nước. Để có được học sinh xuất sắc thì ngoài năng lực, tố chất của học sinh còn có công lao bồi dưỡng của người thầy là điều không thể phủ nhận được. Là một giáo viên đứng lớp giảng dạy môn Tiếng Anh nhiều năm và đã tham gia bồi dưỡng học sinh có năng khiếu một số năm học, tôi đã cảm nhận được điều đó. Mỗi môn học trong nhà trường việc học và dạy đều có đặc thù riêng của nó. Môn Tiếng Anh cũng không nằm ngoài lệ đó.

Phương pháp dạy môn Tiếng Anh đã được nói và bàn luận rất nhiều từ trước đến nay. Học như thế nào cho tốt? Dạy như thế nào cho thật sự có hiệu quả? Đó là điều băn khoăn trăn trở của mỗi giáo viên dạy môn Tiếng Anh đứng lớp. Một tiết dạy bình thường trên lớp cũng cần phải chuẩn bị bài kỹ lưỡng mới có thể dạy tốt được và mang lại hiệu quả. Nhưng một tiết dạy bồi dưỡng học sinh có năng khiếu còn có yêu cầu cao hơn rất nhiều. Câu hỏi mà bất cứ ai tham gia bồi dưỡng cũng luôn đặt ra làm thế nào cho thật sự đạt kết quả tốt trong khoảng thời gian ngắn? Làm sao để cho các em phát huy hết năng lực của mình trên một thời gian làm bài trong giờ ấn định? Làm thế nào để công lao thầy trò không bị uổng phí? Làm sao để mang lại niềm vinh dự cho bản thân của các em và thành tích của nhà trường?

Bằng tất cả mọi nỗ lực của mình trong suy nghĩ, tìm tòi, trao đổi, thảo luận với các đồng nghiệp khác trong ngành giáo dục cùng với việc cọ xát thực tiễn trải nghiệm công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Tiếng Anh ở bậc Tiểu học qua một số năm, tôi mạnh dạn chia sẻ một số ý kiến, suy nghĩ của mình qua đề tài sáng kiến: ***“Giải pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Tiếng Anh cấp Tiểu học”***

Với việc nghiên cứu đề tài này, tôi mong muốn chia sẻ với các đồng nghiệp một số kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh có năng lực tốt để cùng giúp các em học sinh nói chung có hứng thú, say mê hơn với bộ môn Tiếng Anh và giúp các em học sinh giỏi nói riêng đạt thành tích cao hơn trong các kì thi Olympic môn Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của sáng kiến:

- Nâng cao nghiệp vụ sư phạm của bản thân.
- Góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh nói chung và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Tiếng Anh cấp Tiểu học nói riêng.

- Hướng dẫn học sinh tự ôn tập, bồi dưỡng để có kiến thức, kỹ năng làm bài thi tốt hơn.

3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu:

- Thời gian nghiên cứu:

Nghiên cứu thực hiện đề tài trong suốt quá trình năm học từ tháng 9 - 2023 đến tháng 5 - 2024.

- Đối tượng nghiên cứu:

Giải pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Tiếng Anh cho học sinh lớp 5 - Trường Tiểu học Vạn Thắng.

- Phạm vi nghiên cứu:

Đề tài nghiên cứu xoay quanh việc bồi dưỡng và ôn luyện học sinh có năng khiếu môn Tiếng Anh của giáo viên và học sinh bậc Tiểu học của Trường Tiểu học Vạn Thắng. Song phạm vi nghiên cứu điển hình mà tôi mạnh dạn áp dụng đề tài này là các em học sinh lớp 5.

II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN

1. Hiện trạng vấn đề:

Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu học môn Tiếng Anh truyền thống đã thực hiện có những hạn chế sau:

- Khâu phát hiện và tuyển chọn học sinh chưa kịp thời, chưa chính xác, vì các lí do sau:

+ Công tác ra đề thi và các bài kiểm tra chưa đảm bảo tính khoa học, chưa đạt được kiến thức chuyên sâu.

+ Thời gian tuyển chọn học sinh còn chưa kịp thời, gần đến các cuộc thi mới tổ chức thi và tuyển chọn.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình bồi dưỡng chưa phù hợp:

+ Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu chưa cập nhật thường xuyên và chưa lập kế hoạch bồi dưỡng cụ thể.

+ Chọn chương trình bồi dưỡng không theo chuyên đề, nội dung bồi dưỡng chưa rõ ràng và không theo quy tắc từ thấp đến cao, từ dễ đến khó.

- Chọn tài liệu bồi dưỡng chưa phù hợp với trình độ của học sinh, chưa sưu tầm được nhiều đề thi đa dạng nhằm giúp học sinh tiếp xúc làm quen với các dạng đề.

- Chưa tạo động lực cho học sinh khiến học sinh cảm thấy chưa hứng thú và luôn áp lực trong quá trình được bồi dưỡng.

- Chưa có sự phối hợp giữa giáo viên dạy bồi dưỡng và phụ huynh, cũng như với các tổ chức trong nhà trường.

2. Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề:

Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu là công tác quan trọng đòi hỏi ở giáo viên lòng nhiệt tình, luôn tìm tòi học hỏi sáng tạo, dành nhiều thời gian nghiên cứu và giảng dạy. Bên cạnh đó cũng rất cần sự quan tâm chỉ đạo của Ban giám hiệu nhà trường, tổ chuyên môn có kế hoạch và sắp xếp lịch bồi dưỡng hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi nhằm không bị chòng chéo trong việc dạy của giáo viên và việc học các bộ môn khác của học sinh. Ngoài ra, sự tích cực thi đua học tập của học sinh là yếu tố quyết định kết quả bồi dưỡng.

Trên các hiện trạng đã trình bày, tôi xin đưa ra một số giải pháp để nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Tiếng Anh cũng như gây hứng thú cho học sinh khi học Tiếng Anh như sau:

2.1. Giải pháp 1: Phát hiện và tuyển chọn học sinh có năng khiếu học Tiếng Anh phải kịp thời và chính xác.

- Việc lựa chọn đội tuyển học sinh có năng khiếu để bồi dưỡng cần tiến hành ngay sau khi kết thúc năm học thông qua việc trao đổi với giáo viên giảng dạy trước đó để lựa chọn những em có khả năng, tố chất, trí tuệ, lòng đam mê vào đội tuyển, làm nguồn cho năm học kế tiếp.

- Thông qua giáo viên chủ nhiệm định hướng, sự thỏa thuận của giáo viên bồi dưỡng ở các đội tuyển để tránh tình trạng chòng chéo giữa môn này với môn kia.

- Tiến hành khảo sát qua đề thi tuyển chọn học sinh có năng khiếu. Tuy nhiên, công tác ra đề thi cũng như các đề kiểm tra cần đảm bảo khoa học, đạt được kiến thức chuyên sâu, chấm thi khách quan, chính xác. Trong quá trình này sẽ phát hiện được các học sinh có nghị lực vươn lên mạnh mẽ.

2.2. Giải pháp 2: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp.

- Để chương trình bồi dưỡng học sinh năng khiếu có hiệu quả, nhà trường đã có kế hoạch bồi dưỡng liên tục và đều đặn từ đầu năm. Vì vậy, giáo viên cần nghiêm túc thực hiện, không nên dồn ép học sinh ở tháng cuối trước khi thi, vừa tránh quá tải đối với học sinh vừa không ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu kiến thức ở môn học khác của học sinh.

- Sau khi lựa chọn được học sinh, chúng ta lập kế hoạch cho học sinh và cho mình một cách cụ thể tránh tình trạng thích đâu dạy đó. Dạy theo chuyên đề là biện pháp tôi thấy hữu hiệu nhất mà tôi sử dụng.

- Nắm vững phương châm: dạy chắc cơ bản rồi mới nâng cao, thông qua những bài luyện cụ thể để dạy phương pháp tư duy, dạy kiểu dạng bài có quy luật trước, loại bài có tính đơn lẻ, đặc biệt sau.

- Sau khi lập kế hoạch bồi dưỡng, công tác kiểm tra kiến thức sau mỗi chủ đề để nắm chắc khả năng tiếp thu, vận dụng của các em từ đó các em rút ra được

những sai sót mà sửa chữa, giáo viên cũng có kế hoạch bù đắp những lỗ hổng (nếu có).

- Giáo viên nên kết hợp bồi dưỡng học sinh theo cả 2 hình thức: trực tiếp và trực tuyến qua Zoom.

2.3. Giải pháp 3: Xây dựng chương trình bồi dưỡng phù hợp, khoa học.

- Giáo viên cần biên soạn chương trình, nội dung bồi dưỡng rõ ràng, cụ thể, chi tiết cho từng khối lớp, về từng mảng kiến thức rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ theo số tiết quy định nhất định và nhất thiết phải bồi dưỡng theo quy trình từ thấp đến cao, từ dễ đến khó để các em học sinh bắt nhịp dần.

- Cụ thể, giáo viên bồi dưỡng cho học sinh theo các chủ điểm chính sau:

+ Me and My Friends: New friends, New places, Birthday party, My diary, My dreams...;

+ Me and My School: Primary school life, Children's sports and games, My favourite books, School festivals, Learning English...;

+ Me and My Family: Health and common, sicknesses, Safe and sound, Holidays and, vacations, A tale, Hobbies of my family members...;

+ Me and the World Around: Seasons and weather, My community, Places of interest, Directions and road signs, The village/city life...;

- Từ đó, giáo viên có thể lên chương trình bồi dưỡng theo các chuyên đề sau:

*** Chuyên đề về ngữ pháp:**

1. Động từ "to be":
2. Đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu (Personal pronouns, possessive pronouns)
3. Mạo từ (Articles)
4. Danh từ số nhiều và cách phát âm (Plural nouns and pronunciation)
5. Vấn từ và một số cấu trúc (Question words and some structures)
6. Tính từ và số thứ tự (Adjectives and ordinal numbers)
7. Thì hiện tại đơn giản (Simple present tense)
8. Giới từ chỉ vị trí và nơi chốn (Prepositions of time and place)
9. Thì hiện tại tiếp diễn (Present progressive tense)
10. Động từ khuyết thiếu (Modal auxiliary verbs)
11. So sánh (Comparison of adjectives)
12. Câu đề nghị (Suggestions)
13. Thì tương lai (Future tense)
14. Thì quá khứ đơn (Simple past tense)
15. Thì quá khứ tiếp diễn (Past progressive tense)

*** Các dạng bài tập thực hành:**

A. PHONETICS(NGỮ ÂM)

Sau khi dạy lí thuyết, giáo viên cho học sinh làm các dạng bài tập sau:

I. Circle a, b or c to choose the word which is pronounced differently from the others (chọn từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại)

- | | | | |
|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| 1. A. c <u>o</u> ver | B. g <u>o</u> | C. f <u>l</u> ow | D. s <u>o</u> |
| 2. A. f <u>l</u> ow | B. l <u>o</u> ve | C. st <u>o</u> ne | D. N <u>o</u> vember |
| 3. A. s <u>u</u> mm <u>e</u> r | B. s <u>u</u> n | C. gl <u>u</u> e | D. sh <u>u</u> t |
| 4. A. sl <u>o</u> wly | B. f <u>o</u> am | C. c <u>o</u> ver | D. h <u>o</u> me |
| 5. A. bl <u>o</u> od | B. sh <u>o</u> ot | C. sh <u>u</u> t | D. fl <u>o</u> od |
| 6. A. m <u>o</u> ney | B. s <u>o</u> rry | C. m <u>o</u> rning | D. st <u>o</u> ry |
| 7. A. n <u>o</u> w | B. gr <u>o</u> w | C. d <u>o</u> wn | D. t <u>o</u> wn |
| 8. A. st <u>u</u> dy | B. st <u>u</u> dent | C. st <u>u</u> dio | D. st <u>u</u> p <u>i</u> d |
| 9. A. h <u>o</u> use | B. ab <u>o</u> ut | C. h <u>o</u> ur | D. c <u>o</u> untry |
| 10. A. l <u>u</u> nc <u>h</u> | B. f <u>u</u> n | C. j <u>u</u> do | D. s <u>u</u> n |
| 11. A. u <u>n</u> iform | B. comp <u>u</u> ter | C. st <u>u</u> dent | D. j <u>u</u> do |
| 12. A. s <u>u</u> bject | B. s <u>u</u> re | C. s <u>u</u> rr <u>o</u> und | D. s <u>u</u> ee |
| 13. A. exc <u>i</u> ted | B. n <u>i</u> ce | C. l <u>i</u> brary | D. l <u>i</u> ving |
| 14. A. s <u>ch</u> ool | B. t <u>ea</u> ch <u>er</u> | C. c <u>h</u> ea <u>p</u> | D. wat <u>ch</u> ing |
| 15. A. t <u>ea</u> ch | B. sp <u>ea</u> k | C. br <u>ea</u> k | D. r <u>ea</u> d |
| 16. A. fl <u>a</u> t | B. h <u>a</u> t | C. m <u>a</u> ny | D. g <u>a</u> s |
| 17. A. miss <u>e</u> d | B. call <u>e</u> d | C. expl <u>a</u> in <u>e</u> d | D. plann <u>e</u> d |
| 18. A. c <u>h</u> oir | B. c <u>h</u> ocolate | C. c <u>h</u> ore | D. c <u>h</u> in |
| 19. A. s <u>o</u> rry | B. ph <u>y</u> s <u>i</u> cs | C. s <u>i</u> ze | D. s <u>i</u> ng <u>e</u> r |
| 20. A. f <u>u</u> n | B. st <u>u</u> dent | C. h <u>u</u> ngry | D. s <u>u</u> n |

II. Choose one word whose stress syllable is different from the others (Chọn từ có vị trí trọng âm được nhấn khác với các từ còn lại)

- | | | | |
|-----------------|--------------|-----------------|----------------|
| 1. A children | B. afternoon | C morning | D evening |
| 2. A morning | B. greeting | C evening | D armchair |
| 3. A. afternoon | B. engineer | C. intersection | D. eraser |
| 4. A. brother | B. sister | C. father | D. behind |
| 5. A. correct | B. apartment | C. windows | D. bookstore |
| 6. A. family | B. bookshelf | C. eraser | D. student |
| 7. A. ruler | B. classroom | C. people | D. museum |
| 8. A. banana | B. lemonade | C. potato | D. tomato |
| 9. A. lemonade | B. engineer | C. vacation | D. destination |
| 10. A. orange | B. activity | C. pagoda | D. potato |

- | | | | |
|--------------------|-----------------|--------------|---------------|
| 11. A. gymnast | B. heavy | C. purple | D. unload |
| 12. A. ahead | B. armchair | C. banana | D. traffic |
| 13. A. timetable | B. intersection | C. beautiful | D. volleyball |
| 14. A. hotel | B. factory | C. hospital | D. flower |
| 15. A. mountain | B. opposite | C. bookstore | D. literature |
| 16. A. routine | B. museum | C. behind | D. restaurant |
| 17. A. businessman | B. geography | C. family | D. doctor |
| 18. A. motorbike | B. bicycle | C. difficult | D. apartment |
| 19. A. orange | B. food stall | C. arrive | D. vegetable |
| 20. A. travel | B. ahead | C. arrive | D. routine |

B. VOCABULARY(TỪ VỰNG)

I. Circle A, B, C or D to choose the odd one out (khoanh vào A, B, C hoặc

D để chọn từ khác loại)

- | | | | |
|-------------------|-------------|----------------|---------------|
| 1. A. once | B. three | C. two | D. four |
| 2. A. Music | B. Science | C. Monday | D. Maths |
| 3. A. am | B. do | C. is | D. are |
| 4. A. post office | B. watch | C. hospital | D. circus |
| 5. A. taxi driver | B. nurse | C. football | D. cook |
| 6. A. her | B. our | C. they | D. your |
| 7. A. English | B. America | C. Singaporean | D. Vietnamese |
| 8. A. what | B. where | C. that | D. who |
| 9. A. Danced | B. Song | C. Stayed | D. Listened |
| 10. A. Doing | B. Watching | C. Spring | D. Reading |

II. Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences(chọn từ đồng nghĩa với từ in nghiêng trong câu)

- Nam is very **smart**. He always answers the teacher's question well.
A. clever B. bad C. lazy D. hardworking
- Hoa is a good friend. She always **shares** things with her classmate.
A. gives B. listens C. takes D. wants

III. Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to the underlined part in each of the following sentences(chọn từ trái nghĩa với từ in nghiêng trong câu)

- Doing morning exercises is an (a) **exciting** activity for students.
A. boring B. happy C. hard D. interesting
- Our teacher **remembers** all of my classmates' birthday.
A. gives B. forgets C. asks D. has

C. GRAMMAR(NGỮ PHÁP)

I. Choose the option(A, B, C or D) that best completes the sentences(chọn A, B, C hoặc D để chọn từ điền vào chỗ trống trong các câu sau)

1. How much are your shoes? - _____
 A. They are nice B. It's 70, 000 dong
 C. They are 70,000 dong D. They are black
2. How _____ books does he have?
 A. are B. much C. many D. more
3. I have two brothers. _____ names are Minh and Tung.
 A. His B. They C. Theirs D. Their
4. He is going to the _____ to post a letter.
 A. post office B. market C. bookshop D. cinema
5. Let's _____ to the zoo and see the animals.
 A. goes B. to go C. go D. going
6. How's the _____ in Hanoi? _ It's cold and windy.
 A. people B. trees C. life D. weather
7. How about _____ to the supermarket?
 A. going B. go C. to go D. went
8. Hurry _____! We'll late for school.
 A. in B. of C. up D. down
9. You can see lions in the _____.
 A. park B. post office C. police station D. zoo
10. I'm reading a book Santa Claus.
 A. about B. to C. from D. with

II. Choose the underline part that need correcting in each sentence below(chọn từ có lỗi sai cần sửa trong các câu sau)

1. At the moment Mr. Ha is knowing the use of present simple tense very well.
 A. At the moment B. is knowing C. use D. very well
2. The train to Sapa will arrive at Lao Cai Station at 9pm tomorrow.
 A. The train B. will arrive C. at D. tomorrow
3. He usually go to school by bike, but today he is going to school by bus.
 A. go B. by bike C. is going D. by bus
4. Ms. Hanh is living with her parent at present.
 A. is living B. with C. parent D. present
5. The children often doesn't lie down on the grass.
 A. often doesn't B. lie down C. on D. the grass

D. READING COMPREHENSION(ĐỌC HIỂU)

I. Read the passage and choose the letter A, B, C or D to fill in the blanks(đọc đoạn văn sau và chọn từ đúng điền vào chỗ trống trong đoạn văn)

Books play a very important part in our life. It's true that every family (1) Books. We can see books everywhere. We learn many things from books. Books (2) us in education and in many other (3) in our life. Today there are a lot of public (4) our country and people can borrow them to read there or bring home. Each year hundreds of new books for (5) appear in Viet Nam. These books are very interesting and children like reading them very much.

- | | | | |
|---------------|------------|--------------|--------------|
| 1.A. has | B. to have | C. having | D. have |
| 2.A. give | B. take | C. help | D. bring |
| 3.A. stories | B. things | C. works | D. problem |
| 4.A. shops | B. stores | C. libraries | D. rooms |
| 5.A. children | B. child | C. a child | D. childrens |

II. Reading the following passage and choose the option (A, B, C or D) that best answers each of the questions below(đọc đoạn văn sau và chọn câu trả lời đúng cho các câu hỏi)

My school is the most enjoyable place for me. My school is located very near to my home. I walk to my school every day. I like the gathering in my school for us to have a lot of fun. I love all my teachers. They are very kind and polite in correcting our mistakes. They have never been hard on us. So, we have always tried our best to study well and write our exams well. My school is known for its best results in our locality. I am very proud of my school. I like my school very much.

1. What is the topic of the passage?

- | | |
|--------------------------------|----------------------------------|
| A. My first day at school | B. My best teacher at school |
| C. What I like about my school | D. What makes my school the best |

2. The author goes to school _____.

- | | | | |
|------------|------------|-----------|-----------|
| A. by bike | B. on foot | C. by bus | D. by car |
|------------|------------|-----------|-----------|

3. He likes his teacher because _____.

- | | |
|---|-------------------------|
| A. they never shout at students | B. They know everything |
| C. they correct student's mistakes politely | D. They are creative |

4. They have to do their best to do the following EXCEPT _____.

- | | |
|-------------------------|----------------------------------|
| A. having a high result | B. learning well |
| C. doing the test well | D. helping their friends in exam |

5. The word "known" in line 6 is best replaced by _____.

A. common

B. famous

C. active

D. nice

E. WRITING(VIẾT)

I. Choose the sentence (A, B, C or D) that is closest in meaning to the root sentence(chọn câu sao cho nghĩa câu đó gần nghĩa với câu đã cho nhất)

1. *This year my school has 20 classes.*

A. There is 20 classes in my school this year.

B. There are 20 classes in my school this year.

C. 20 classes has in my school this year.

D. My school has 20 students in each class this year.

2. *Studying English three hours a week is so exciting for students.*

A. Students are excited at studying English three hours a week.

B. Students are exciting because they study English three hours a week.

C. Students like studying English it is exciting.

D. It is exciting to have English at school.

3. *Computer science is Hung's favorite subject at school.*

A. Hung likes all subjects at school, mostly computer science.

B. Hung's school has computer science.

C. Hung likes to study computer science at school.

D. Hung like computer, so he likes computer science.

4. *When you are tired, you should take a rest.*

A. Taking a rest is good for students.

B. You had better have a rest when you feel tired.

C. Having a rest is always cool.

D. You should take a bath when you feel tired.

5. *It is very kind of you to help me with my housework.*

A. My housework is a kind of hard work.

B. I love doing housework with you.

C. You are very kind to help me with my housework.

D. Helping me with my housework is your job.

II. Circle A , B ,C or D to choose the full sentences for the missing sentences(chọn câu đã được thêm từ đầy đủ cho các câu đã cho).

1. Nga / one / best / friends / school.

A. Nga is one of my best friends at school.

B. Nga is one of my best friends on school.

C. Nga is one of my bests friends at school.

D. Nga is one of my best friends in school.

2. Tom / often / read / book /after dinner.

- A. Tom often read books after dinner.
 B. Tom often reading books after dinner.
 C. Tom often reads book after dinner.
 D. Tom often reads books after dinner.
3. My house / 16 / Le Loi Street.
 A. My house is on 16, Le Loi Street.
 B. My house is at 16, Le Loi Street.
 C. My house is in 16, Le Loi Street.
 D. My house is with 16, Le Loi Street.
4. My sister / have / round face / short hair.
 A. My sister had a round face and short hair.
 B. My sister have a round face and short hair.
 C. My sister has a round face and short hair.
 D. My sister has a round face but short hair.
5. I and Tom / do / homework / bedroom.
 A. I and Tom is doing our homework in my bedroom .
 B. I and Tom are doing our homework on my bedroom.
 C. I and Tom are doing our homework in my bedroom .
 D. I and Tom is doing our homework on my bedroom.

III. Choose the best answer A, B, C or D(chọn thứ tự sắp xếp từ đúng để tạo thành câu đúng)

1. card of letters friends abroad My younger sister to her pen sometimes writes

- | | | | | |
|--------------|---|---|--------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. 4-5-2-3-1 | | | C. 3-5-1-2-4 | |
| B. 3-5-1-4-2 | | | D. 5-3-4-1-2 | |

2. mine green that book is

- | | | | | |
|--------------|---|---|--------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. 3-2-4-5-1 | | | C. 3-4-1-5-2 | |
| B. 3-5-4-1-2 | | | D. 3-1-4-5-2 | |

3. surf the Internet I for my school project

- | | | | | |
|--------------|---|---|--------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. 4-1-5-3-2 | | | C. 3-1-2-5-4 | |
| B. 4-1-3-5-2 | | | D. 3-1-2-4-5 | |

4. singing contest I'm going in the take part to on Teachers' Day

- | | | | | | |
|----------------|---|---|----------------|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| A. 1-4-3-5-2-6 | | | C. 2-5-4-3-1-6 | | |
| B. 2-5-3-4-1-6 | | | D. 6-3-1-4-5-2 | | |

5. languages you do how speak? many
 1 2 3 4 5 6

A. 4-6-1-3-2-5

C. 4-6-1-5-2-3

B. 3-6-5-1-4-2

D. 6-3-1-4-5-2

2.4. Giải pháp 4: Lựa chọn tài liệu bồi dưỡng đa dạng nhưng phù hợp với học sinh.

- Giáo viên sưu tầm các bộ đề thi các cấp thông qua công nghệ thông tin nhằm giúp các em tiếp xúc làm quen với các dạng đề, luôn tìm đọc, tham khảo các tài liệu hay định hướng cho học sinh.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh lựa chọn các tài liệu, sách vở, phù hợp với trình độ của các em để tự rèn luyện thêm ở nhà. Đồng thời cung cấp hoặc giới thiệu các địa chỉ trên mạng để học sinh có thể tự học, tự nghiên cứu, bổ sung kiến thức. Dưới đây là một số sách hỗ trợ và ôn luyện thi học sinh giỏi mà học sinh có thể tham khảo:

- + Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Anh Tiểu học – NXB Giáo dục
- + Em học giỏi tiếng Anh 3, 4, 5 – NXB Đại học sư phạm
- + Vở bài tập hỗ trợ nâng cao tiếng Anh lớp 3,4,5 – NXB Hồng Đức
- + Vở luyện bài tập lớp 3, 4,5 – NXB Đại học sư phạm
- + 50 bộ đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 3, 4, 5 – NXB Giáo dục
- + Activity book 1, 2 – NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh
- + Vở tự luyện Olympic 3, 4,5 – NXB Đại học sư phạm
- + 25 chuyên đề ngữ pháp cơ bản – NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh

2.5. Giải pháp 5: Phối hợp tốt với phụ huynh và các tổ chức trong nhà trường.

- Với phụ huynh:

+ Gia đình luôn là điểm tựa cho sự phát triển của học sinh, là niềm động viên các em rất lớn. Để có được sự ủng hộ từ phía gia đình thì giáo viên phải giữ được mối liên hệ với phụ huynh học sinh, thường xuyên trao đổi với phụ huynh học sinh về năng lực và khả năng của học sinh, để từ đó động viên học sinh tham gia.

- Với các tổ chức trong nhà trường:

+ Để hỗ trợ cho công tác dưỡng học sinh năng khiếu có hiệu quả, các bộ phận gián tiếp như: Chi bộ, Ban giám hiệu, Công đoàn, Đoàn thanh niên, giáo viên chủ nhiệm... cũng cần quan tâm đặc biệt và có những biện pháp hỗ trợ đúng mức như: tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh tham gia bồi dưỡng, ví dụ: tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các khoá học bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn và tạo điều kiện cho học sinh có không gian, thời gian học tập, bồi

đường hoặc tham gia các chương trình giao lưu, học hỏi các tổ chức Tiếng Anh trong và ngoài Huyện, giảm bớt tiết, bớt công tác kiêm nhiệm cho giáo viên dạy bồi dưỡng, tham mưu với Hội cha mẹ học sinh thành lập quỹ khuyến học để khích lệ tinh thần dạy và học cho cô và trò, có chế độ ưu tiên khuyến khích đối với học sinh đạt giải; tuyên dương khen thưởng kịp thời đối với các giáo viên và học sinh đạt thành tích; quan tâm theo dõi và đáp ứng các nhu cầu chính đáng của giáo viên và học sinh về phòng học, điện, nước...

3. Kết quả sau khi áp dụng sáng kiến tại đơn vị:

Sau khi thực hiện sáng kiến kinh nghiệm này, tôi thấy rất phù hợp với chương trình sách giáo khoa mới. Học sinh có hứng thú ôn luyện hơn, tích cực chủ động sáng tạo để mở rộng vốn hiểu biết, đồng thời cũng rất linh hoạt trong việc thực hiện nhiệm vụ, lĩnh hội kiến thức và phát triển các kỹ năng để tham gia các kì thi học sinh giỏi đạt kết quả cao. Đây cũng chính là những nguyên nhân đi đến những kết quả tương đối khả quan trong kì thi Olympic Tiếng Anh cấp trường để chọn được đội tuyển tham gia thi Olympic Tiếng Anh cấp Huyện vừa qua. Cụ thể, tôi chọn 40 em học sinh hoàn thành tốt môn Tiếng Anh ở năm học trước để tham gia thi Olympic Tiếng Anh cấp trường và đạt kết quả cụ thể như sau:

Lớp	Số HS tham gia thi (40 em)	Điểm (Tối đa: 20 điểm)			
		1- 4	5 -10	11 - 15	16 -20
5A1	4	0	1	2	1
5A2	4	0	0	1	3
5A3	4	0	1	1	2
5A4	4	0	0	4	0
5A5	4	0	1	3	0
5A6	4	0	1	2	1
5A7	4	0	0	4	0
5A8	4	0	1	3	0
5A9	4	0	1	1	2
5A10	4	0	0	3	1

Như vậy, từ kết quả trên cho thấy, sau khi áp dụng các giải pháp sáng kiến, số học sinh làm bài thi đạt điểm trên 10 là rất cao, số học sinh làm bài đạt dưới 10 điểm chiếm số lượng ít.

Sau khi lựa chọn được đội tuyển tham gia thi cấp Huyện là 10 em học sinh đạt điểm từ 16 đến 20 điểm, tôi tiếp tục áp dụng sáng kiến kinh nghiệm trên

để ôn thi trên cho các em học sinh trong đội tuyển của nhà trường chuẩn bị tham gia thi Olympic Tiếng Anh cấp Huyện. Và tôi nhận thấy học sinh tích cực, chủ động học tập, hăng hái tham gia vào cuộc thi. Các em tự tin và lạc quan hơn vào khả năng làm bài của mình.

Kết quả sau khi tham gia cuộc thi Olympic Tiếng Anh cấp Huyện của các em học sinh, cụ thể như sau:

Lớp	Số HS tham gia thi	Điểm (Tối đa: 20 điểm)			
		1 - 4	5 - 10	11 - 15	15,5 - 20
5A1	1	0	0	0	1
5A2	3	0	1	2	0
5A3	2	0	0	1	1
5A6	1	0	0	1	0
5A9	2	0	0	1	1
5A10	1	0	0	0	1

Với kết quả trên, thành tích mà các em học sinh đạt được như sau:

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI THI OLYMPIC TIẾNG ANH CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2023 - 2024					
STT	Họ và tên	Lớp	Số điểm(điểm tối đa 20 điểm)	Đạt giải	Ghi chú
1	Nguyễn Khánh Chi	5A9	18,5	Nhất	Thi vòng sơ khảo cấp Thành phố
2	Nguyễn Thị Kim Oanh	5A3	16,5	Nhì	
3	Nguyễn Nhật Hào	5A10	16	Ba	
4	Đỗ Mạnh Tùng	5A1	15,5	Ba	
5	Trần Phương Ngân	5A6	15	Ba	
6	Nguyễn Kiều Chinh	5A9	14,5	Ba	
7	Nguyễn Minh Ánh	5A2	14	Khuyến Khích	
8	Đỗ Ngọc Diệp	5A3	13,5	Khuyến Khích	
9	Hoàng Khánh Duy	5A2	13	Khuyến Khích	

Từ kết quả trên cho chúng ta thấy rõ, nếu giáo viên có sự đầu tư tìm tòi các biện pháp để gây hứng thú với học sinh năng khiếu khi tham gia học bồi dưỡng và ôn thi Olympic Tiếng Anh thì học sinh sẽ từ sợ học Tiếng Anh mà trở nên mạnh dạn, tự tin hơn và yêu thích môn Tiếng Anh hơn. Vì vậy, chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu sẽ được nâng cao hơn.

4. Hiệu quả của sáng kiến:

4.1. Hiệu quả về khoa học:

- Các nghiên cứu khoa học hiện đại được đưa vào đã đem lại cái nhìn tổng quan cho học sinh về môn học nói riêng và quá trình nghiên cứu khoa học nói chung.

4.2. Hiệu quả về kinh tế:

- Đề tài chỉ ra phương pháp xây dựng các bài tập nhiều cấp độ dựa trên nguồn tư liệu mở có sẵn trên mạng Internet.

- Hạn chế được việc mời các chuyên gia để bổ túc kiến thức cho học sinh.

- Bên cạnh đó, là những hiệu quả gián tiếp lâu dài về mặt kinh tế như nâng cao hiệu suất công việc của giáo viên, giúp học sinh có hứng thú hơn với môn học.

4.3. Hiệu quả về xã hội:

- Trực tiếp nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu học môn Tiếng Anh. Từ đó, nâng cao số lượng học sinh đạt giải cao trong các cuộc thi Olympic Tiếng Anh cũng như các cuộc thi Tiếng Anh khác.

- Giúp học sinh tiếp cận được các kiến thức và dạng bài tập mới mẻ, cập nhật, có phương pháp học tập đúng đắn.

- Giúp giáo viên bổ sung và nâng cao kiến thức chuyên môn cũng như hiệu quả giảng dạy.

5. Tính khả thi:

- Sáng kiến đã được áp dụng và nhân rộng trong phạm vi cơ sở và ngoài cơ sở.

- Đối tượng trọng tâm áp dụng của sáng kiến là học sinh và giáo viên Trường Tiểu học Vạn Thắng.

6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến:

- Sáng kiến được thực hiện trong tháng 04 năm 2024.

7. Kinh phí thực hiện sáng kiến:

- Để thực hiện sáng kiến này, tôi không mất nhiều kinh phí.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Để góp phần cho việc dạy Tiếng Anh nói chung, bồi dưỡng học sinh năng khiếu nói riêng đạt chất lượng ngày càng cải thiện, bản thân tôi có những kiến nghị thiết thực như sau :

1. Đối với Phòng Giáo Dục và Đào Tạo:

- Tạo thêm điều kiện cho giáo viên có cơ hội giao lưu, học hỏi và rút kinh nghiệm qua các hội thảo, chuyên đề.

- Cung cấp trang bị thêm các tài liệu, phương tiện và đồ dùng dạy học... để giáo viên bộ môn phát huy tốt nhất năng lực chuyên môn trong giảng dạy Tiếng Anh trong nhà trường.

2. Đối với Ban giám hiệu nhà trường:

- Trên cơ sở phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm học, ngay từ đầu năm học ban giám hiệu xây dựng kế hoạch bồi dưỡng sinh giỏi.

- Phân công chuyên môn một cách hợp lý chọn lựa những đồng chí giáo viên có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm, tinh thần trách nhiệm, cố gắng phân công theo hướng ổn định có tính kế thừa và phát huy kinh nghiệm.

- Ban giám hiệu có lịch chỉ đạo cụ thể, trang bị đầy đủ sách nâng cao, tài liệu tham khảo cho giáo viên được phân công dạy.

- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức từ đồng nghiệp để đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của thời đại.

- Phát hiện và xây dựng nguồn bắt đầu từ lớp 1, cử giáo viên có kinh nghiệm dạy bồi dưỡng, tổ chức học 2 - 3 buổi/ tuần (trái buổi học chính khóa).

- Lên kế hoạch dạy nâng cao chất lượng đại trà chi tiết cụ thể, có học và có kiểm tra chất lượng từ đó chọn lọc học sinh có năng khiếu thông qua các cuộc thi cấp trường. Lên kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi để duy trì và phát huy chất lượng cho số học sinh này.

- Có những chế độ động viên, khuyến khích, kịp thời đối với giáo viên và học sinh tham gia bồi dưỡng học sinh có thành tích cao.

3. Đối với giáo viên trực tiếp dạy bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Tiếng Anh:

- Muốn có học sinh giỏi phải có Thầy giỏi vì thế người thầy phải luôn luôn có ý thức tự rèn luyện, tích lũy tri thức và kinh nghiệm, trau dồi chuyên môn, luôn xứng đáng là “người dẫn đường tin cậy” cho học sinh noi theo. Phải thường xuyên tìm tòi các tư liệu, có kiến thức nâng cao trên các phương tiện, đặc biệt là trên mạng internet. Lựa chọn trang Web nào hữu ích nhất, tiện dụng nhất, tác giả nào hay có các chuyên đề hay, khả quan nhất để sưu tầm tài liệu...

- Giáo viên dạy bồi dưỡng phải thường xuyên trao đổi với đồng nghiệp trong và ngoài giờ dạy để học hỏi và đúc rút kinh nghiệm cần thiết để áp dụng trong quá trình bồi dưỡng.

- Động viên thường xuyên và kịp thời học sinh trong quá trình bồi dưỡng hoặc trước, sau các cuộc thi.

- Nên tránh:

- + Tránh nôn nóng, bỏ qua bài tập cơ bản, cho ngay bài khó, học sinh mới đầu đã gặp ngay một “mớ bòng bong”, không nhận ra được nên bắt đầu từ đâu hoặc việc ghi nhớ từng đơn vị kiến thức kỹ năng dễ lộn xộn hay kết quả là không định hình được phương pháp từ đơn giản đến phức tạp, càng học càng hoang mang.

+ Tránh coi những bài đơn lẻ không có quy luật chung là quan trọng, cho học sinh làm nhiều hơn những bài có nguyên tắc chung (coi những bài đó mới là “thông minh”), kết quả là học sinh bị rối loạn, không học được phương pháp tư duy theo kiểu đúng đắn khoa học

+ Không để học sinh tâm lý trọng thi cử và không nặng thành tích đối với học sinh dẫn đến các em bị áp lực từ nhiều phía.

4. Đối với phụ huynh học sinh:

- Quan tâm tạo điều kiện, động viên tích cực con em học tập tốt hơn.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ học tập.
- Thực hiện đưa, đón con đúng giờ, đúng lịch bồi dưỡng mà giáo viên đã đưa ra.
- Thường xuyên liên lạc với giáo viên, nhà trường để nắm tình hình học tập của con mình.

5. Đối với học sinh:

- Học sinh phải nhận thức đúng về tầm quan trọng của học tập.
- Học sinh phải yêu thích môn học, say mê trong học tập và ham học hỏi (đây là điều quan trọng).
- Học sinh phải cần cù tích lũy và chăm chỉ rèn luyện, ngoài luyện sách giáo khoa, học sinh cần luyện thêm ở sách tham khảo và tài liệu khác.
- Cần phải bồi dưỡng hứng thú và tính tích cực, độc lập nghiên cứu của học sinh.
- Cách tốt nhất bồi dưỡng hứng thú cho học sinh là hướng dẫn dìu dắt cho các em đạt được những thành công từ thấp lên cao. Nhiều học sinh lúc đầu chưa bộc lộ rõ năng khiếu nhưng sau quá trình được dìu dắt đã trưởng thành rất vững chắc và đạt kết quả tốt.

Trên đây là giải pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu học môn Tiếng Anh mà tôi đã áp dụng vào giảng dạy trong những thời gian qua đã đem lại những hiệu quả nhất định.

Đây là ý kiến chủ quan của cá nhân tôi nên không tránh khỏi những hạn chế. Rất mong nhận được sự tham gia góp ý của bạn bè đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến của hội đồng khoa học!

Tôi xin cam đoan đây là SKKN của tôi viết, không sao chép nội dung của người khác và không dùng lại SKKN của mình từ những năm trước.

Vạn Thắng, Ngày 04 tháng 5 năm 2024.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(ký tên, đóng dấu)

Người viết sáng kiến

Lê Thị Trường

MỤC LỤC

I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến:	1
2. Mục tiêu của sáng kiến:.....	1
3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu:.....	2
II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN.....	2
1. Hiện trạng vấn đề:	2
2. Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề:	2
2.1. Giải pháp 1: Phát hiện và tuyển chọn học sinh có năng khiếu học Tiếng Anh phải kịp thời và chính xác.	3
2.2. Giải pháp 2: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp.	3
2.3. Giải pháp 3: Xây dựng chương trình bồi dưỡng phù hợp, khoa học.	4
2.4. Giải pháp 4: Lựa chọn tài liệu bồi dưỡng đa dạng nhưng phù hợp với học sinh.	11
2.5. Giải pháp 5: Phối hợp tốt với phụ huynh và các tổ chức trong nhà trường.	11
3. Kết quả sau khi áp dụng sáng kiến tại đơn vị:	12
4. Hiệu quả của sáng kiến:	13
4.1. Hiệu quả về khoa học:.....	13
4.2. Hiệu quả về kinh tế:	14
4.3. Hiệu quả về xã hội:.....	14
5. Tính khả thi:	14
6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến:	14
7. Kinh phí thực hiện sáng kiến:	14
III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....	14
1. Đối với Phòng Giáo Dục và Đào Tạo:	14
2. Đối với Ban giám hiệu nhà trường:.....	14
3. Đối với giáo viên trực tiếp dạy bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Tiếng Anh:	15
4. Đối với phụ huynh học sinh:	16
5. Đối với học sinh:	16
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

Phụ lục 1: Minh chứng đề tài

Phụ lục 2: Đề thi Olympic Tiếng Anh cấp Trường năm học 2023 - 2024

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Công văn số 353/ KH-UBND về việc triển khai kế hoạch tổ chức, thực hiện công tác sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học năm học 2022-2023.

Công văn số 502/ PGDĐT về việc điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn công tác SKKN, nghiên cứu khoa học ngành GDĐT năm học 2022-2023.

Tài liệu về chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu Học của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

Tài liệu từ các trang web:

<http://www.englishclub.com/pronunciation/index.htm>

<https://www.youtube.com/>

<http://.tienganh123.com>

<https://busyteacher.org>

www.Bbclearningenglish.co.uk.

Tienganh123.com.

<https://www.sachmem.vn>

ioe.go.vn

Các đề thi học sinh giỏi các cấp của những năm trước.

Sách “bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Anh Tiểu học” – NXB Giáo dục

Sách “Em học giỏi Tiếng Anh 3, 4, 5” – NXB Đại học sư phạm

Vở “bài tập bổ trợ nâng cao Tiếng Anh lớp 3,4,5” – NXB Hồng Đức

Vở “luyện bài tập lớp 3, 4, 5” – NXB Đại học sư phạm

50 bộ đề thi Olympic Tiếng Anh lớp 3, 4, 5 – NXB Giáo dục

Activity book 1, 2 – NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh

Vở “tự luyện Olympic 3, 4, 5” – NXB Đại học sư phạm

Sách “25 chuyên đề ngữ pháp cơ bản” – NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh

ĐỀ THI OLYMPIC TIẾNG ANH CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC 2023 - 2024

PHÒNG GD&ĐT BA VÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN THẮNG

THI OLYMPIC TIẾNG ANH CẤP TRƯỜNG
NĂM HỌC: 2023 - 2024
MÔN: TIẾNG ANH- LỚP 5

Chữ kí giám thị	Trường Tiểu học:..... Họ và tên:..... Lớp:..... Số báo danh:..... Ngày thi :..... Thời gian làm bài : 45 phút	Số phách

THI OLYMPIC TIẾNG ANH CẤP TRƯỜNG NĂM HỌC: 2023 – 2024 MÔN: TIẾNG ANH- LỚP 5

Điểm bài kiểm tra		Chữ kí giám khảo	Số phách
Bảng số	Bảng chữ		

Question 1: Circle A, B or C to choose the word which is pronounced differently from the others :

- | | | | |
|---------------|-------------|------------|--------------|
| 1. A. bread | B. repeat | C. cheap | D. teach |
| 2. A. those | B. that | C. this | D. think |
| 3. A. smile | B. kind | C. polite | D. silly |
| 4. A. man | B. car | C. hat | D. bag |
| 5. A. blood | B. book | C. pool | D. room |
| 6. A. house | B. hour | C. horse | D. hungry |
| 7. A. usually | B. easy | C. Why | D. party |
| 8. A. know | B. black | C. work | D. book |
| 9. A. ahead | B. ocean | C. weather | D. heavy |
| 10. A. mouth | B. mountain | C. cloudy | D. favourite |

Question 2: Circle the odd one out :

- | | | | |
|--------------|------------|-----------|----------|
| 11. A. never | B. usually | C. always | D. after |
| 12. A. When | B. What | C. Why | D. Will |

- | | | | |
|-----------------|--------------|-------------|-------------|
| 13. A. April | B. June | C. Tuesday | D. August |
| 14. A. bus | B. train | C. car | D. ship |
| 15. A. face | B. eye | C. body | D. leg |
| 16. A. went | B. drink | C. had | D. ate |
| 17. A. Monday | B. Wednesday | C. December | D. Thursday |
| 18. A. in | B. but | C. of | D. under |
| 19. A. headache | B. toothache | C. matter | D. fever |
| 20. A. hot | B. weather | C. cold | D. warm |

Question 3: Circle A, B or C to choose the correct answer:

21. She to the radio in the morning.
 A. listen B. watches C. listens D. sees
22. My friend English on Monday and Friday.
 A. not have B. isn't have C. don't have D. doesn't have
23. I am, so I don't want to eat any more.
 A. hungry B. thirsty C. full D. small
24. do you work? - I work at a school.
 A. What B. Where C. When D. How
25. I'm going to the now. I want to buy some bread.
 A. post office B. drugstore C. bakery D. toy store
26. Is this her?
 A. erasers B. books C. an eraser D. eraser
27. The opposite of "tall" is
 A. thin B. small C. short D. big
28. She doesn't have friends at school.
 A. a B. some C. many D. much
29. How lessons do you have today ??
 A. much B. long C. many D. often
30. What does Lien do when warm?
 A. it B. it's C. its D. they're
31. Does he a sore-throat?
 A. has B. had C. have D. having
32. We went to the cinema
 A. today B. yesterday C. tomorrow D. next Sunday
33. It is hot summer.
 A. on B. in C. at D. under
34. I don't like Maths it is difficult.
 A. and B. but C. so D. because
35. What's the matter you?
 A. in B. with C. on D. of

36. Do you like English? Yes, I.....

A. do B. am C. like D. don't

37. He often.....to school in the morning

A. gos B. going C. goes D. to go

38. What is the matter with you, Minh? _____ have a toothache

A. I B. She C. He D. Minh

39. How often do you play tennis? - I play it.

A. often B. sometimes C. never D. all A, B, C

40. She works in a hospital, so she is a.....

A. teacher B. driver C. worker D. nurse

----- *The End* -----

CÁC MINH CHỨNG CHO SÁNG KIẾN

HÌNH ẢNH MINH CHỨNG CHO CÁC GIẢI PHÁP BỒI DƯỠNG HỌC SINH CÓ NĂNG KHIẾU HỌC TIẾNG ANH.



(Học sinh thi Olympic Tiếng Anh cấp Trường)



(Học sinh nghiêm túc làm bài thi Olympic Tiếng Anh cấp Trường)

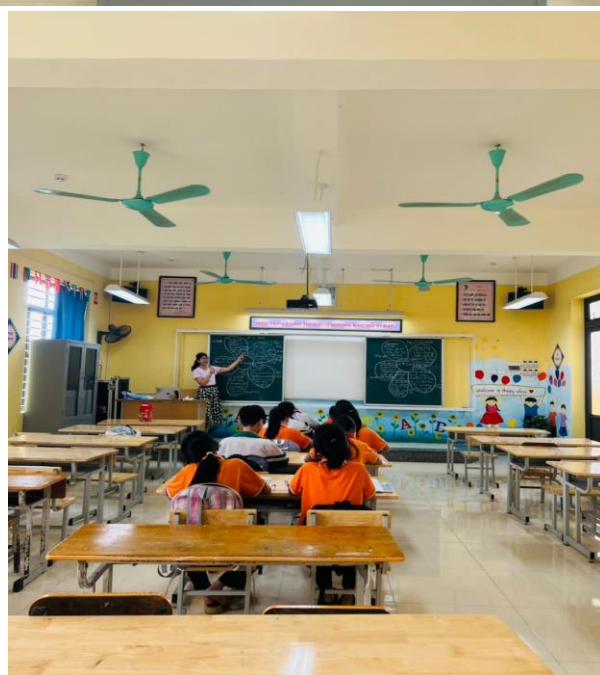


(Học sinh đội tuyển thi Olympic cấp Huyện chăm chỉ ôn luyện cho kì thi)



(Đội tuyển thi Olympic thể hiện sự quyết tâm, cố gắng cho kì thi)

HÌNH ẢNH MINH CHỨNG QUÁ TRÌNH ÔN LUYỆN CHO CUỘC THI OLYMPIC TIẾNG ANH CẤP HUYỆN CỦA CÔ VÀ TRÒ QUA HÌNH THỨC TRỰC TIẾP



HÌNH ẢNH MINH CHỨNG CHO QUÀ TRÌNH ÔN TẬP CHO CUỘC THI OLYMPIC QUA HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN TRÊN ZOOM CỦA CÔ TRÒ

Top Screenshot: Grammar Questions

43. A. managed B. laughed C. captured D. signed

44. A. washed B. exchanged C. experienced D. mixed

45. A. filled B. added C. started D. intended

46. A. wanted B. booked C. stopped D. laughed

47. A. booked B. watched C. jogged D. developed

48. A. kneeled B. bowed C. implied D. compressed

49. A. bottled B. explained C. trapped D. betrayed

50. A. laughed B. stamped C. booked D. contented

Bottom Screenshot: English Grammar Rules and Exercises

EX: What time is it? => It's 10 o'clock.

- Cách nói giờ hơn.**
It's + số giờ + số phút. = It's + số phút + past + số giờ.
Half : 1/2 = 30 phút
a quarter. 1/4 = 15 phút
What is the time? / What time is it?
- It's ten thirty. = It's half past ten. (10 giờ 30')
- It's ten fifteen. = It's fifteen past ten. = It's a quarter past ten. (10 giờ 15')
- Cách nói giờ kém.**
It's + số phút + to + số giờ.
Ex: What time is it?
- It's five to six. (6 giờ kém 5) : It's five fifty-five.
- It's a quarter to five. (5 giờ kém 15') : It's four forty-five.

7. Cách hỏi ngày/ thứ trong tuần.
Form : What day is it? = What day is today? (hôm nay là thứ mấy?)
=> It's Monday/ Friday.

8. Cách hỏi đáp về phương tiện đi lại.
Form: How + do/ does + S + go/ (travel) + to.....?
=> S + go/ goes + to..... by + tên phương tiện
Ex: How do you go to school every day?
• I go to school by bicycle (bike)/ motorcycle.
• How does Mr. Minh travel to work?
• He travels to work by bus.

*** Chú ý:**
a - Đi bộ có 2 cách nói:
- Go to..... on foot
- Walk (to).....
Ex: Nam goes to school on foot every day. = Nam walks to school every day.
a. **Đi bằng xe đạp có 3 cách nói.**
Go..... by bicycle
Cycle..... to.....
Ride one's bike..... to.....
Ex: I often go to school by bicycle. Tôi đi học bằng xe đạp
I often cycle to school/ I often ride my bike to school. Tôi đạp xe đi học.
c. **Đi bằng ô tô có 2 cách nói.**
Go..... by car.
Drive to.....
Ex: Mr. Father must go to work by car. Bà tôi đi làm bằng ô tô.

HÌNH ẢNH MINH CHỨNG CHO QUẢ TRÌNH ÔN TẬP CHO CUỘC THI OLYMPIC QUA HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN TRÊN ZOOM CỦA CÔ TRÒ

The screenshot shows a Zoom meeting interface. The main window displays a screen share of a worksheet titled "11. Group 3:". The worksheet contains three multiple-choice questions (12, 13, 14) and a section "d. Give the correct form of the verb." with question 15. To the right of the screen share is a grid of video feeds for participants. The participants' names are visible below their video feeds: Nguyễn Minh Ánh và Năng, Lê Thị Trương (GV Tiếng Anh), Diệp Sà 3, Nguyễn Nhật Hào SA10, K. Chi Sà 9, OANH, P. Ngân, Kiều chính Sà 9, and Đỗ Mạnh Tùng. The Zoom toolbar at the top includes buttons for Unmute, Stop Video, Security, Participants, Chat, New Share, Pause Share, Annotate, and Remote Control. The bottom status bar shows the time as 7:59 PM on 1/27/2024.

11. Group 3:

c. Circle the best answer:

12. He is a very ----- man. He always tells funny stories.
A. humorous B. strict C. hard-working D. simple

13. My brother works as a ----- . His office is the police station.
A. police patrol B. police worker
C. policeman D. police booth

14. The story is so uninteresting, it means that the story is ----- .
A. nice B. funny C. exciting D. boring

15. My grandfather needs something to dig his garden so he should go to the ----- shop.
A. furniture B. gardening C. sport D. kitchen

d. Give the correct form of the verb.

The screenshot shows a Zoom meeting interface. The main window displays a screen share of a worksheet titled "II. GRAMMAR AND VOCABULARY". The worksheet contains two multiple-choice questions (6, 7) and a section "b. Find the name for each group of pictures:" with question 8. To the right of the screen share is a grid of video feeds for participants. The participants' names are visible below their video feeds: Nguyễn Minh Ánh và Năng, Lê Thị Trương (GV Tiếng Anh), Diệp Sà 3, Nguyễn Nhật Hào SA10, K. Chi Sà 9, OANH, P. Ngân, Kiều chính Sà 9, and Đỗ Mạnh Tùng. The Zoom toolbar at the top includes buttons for Unmute, Stop Video, Security, Participants, Chat, New Share, Pause Share, Annotate, and Remote Control. The bottom status bar shows the time as 7:59 PM on 1/27/2024.

II. GRAMMAR AND VOCABULARY

a. Circle the best answer:

6. A flight is ----- .
A. a trip by sea B. a trip by bus
C. a trip by plane D. a trip by bike

7. Welcome is ----- .
A. an offer B. a greeting
C. goodbye D. an excuse

8. An art exhibition is ----- .
A. a hotel B. a shop
C. a show D. an office

b. Find the name for each group of pictures:

9. Group 1:

HÌNH ẢNH MINH CHỨNG CHO QUÁ TRÌNH ÔN LUYỆN CHO KÌ THI OLYMPIC TIẾNG ANH CẤP THÀNH PHỐ CỦA CÔ TRÒ



HÌNH ẢNH MINH CHỨNG CHO VIỆC ĐỘNG VIÊN KỊP THỜI HỌC SINH TRONG KÌ THI OLYMPIC TIẾNG ANH CẤP THÀNH PHỐ



